

Số: /BC-STNMT

Kon Tum, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước của Văn phòng Sở năm 2021 và triển khai Phương án giao dự toán NSNN năm 2022 cho các đơn vị dự toán thuộc Sở

Kính gửi: Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND, ngày 10/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chi tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 4630/TB-STC, ngày 11/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về việc Thông báo chỉ tiêu hướng dẫn dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 38/STC-QLNS, ngày 11/01/2021 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-STNMT, ngày 13/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 cho Văn phòng Sở;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-STNMT, ngày 11/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của 02 đơn vị dự toán trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo công khai tình hình tài chính năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/12/2021) và triển khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

A. Công khai tình hình tài chính năm 2021:

I. Nguồn thu phí, lệ phí:

1. Nguồn phí, lệ phí trích để lại năm 2020 chuyển sang năm 2021:
202.204.944 đồng. Trong đó:

- Tài khoản tiền gửi (3712.2.1049271): 20.125.072 đồng (1).

- Tiền mặt tại đơn vị: 180.316.030 đồng (2).

2. Nguồn thu phí, lệ phí năm 2021:

Thực hiện Quyết định số 626/QĐ-STNMT ngày 30/9/2020, kể từ ngày 05/10/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng hình thức biên lai điện tử và thu phí, lệ phí qua tài khoản số 1016255614 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

Do đó, ngay từ đầu năm 2021 toàn bộ số tiền phí, lệ phí của Văn phòng Sở đều thu qua tài khoản ngân hàng sau đó được chuyển vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc, đơn vị không thu phí, lệ phí bằng tiền mặt.

2.1. Tổng thu phí, lệ phí từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 28/12/2021 là: 1.510.342.082 đồng. Trong đó:

- + Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: 304.732.082 đồng.
- + Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 968.550.000 đồng.
- + Phí Thẩm định đề án tài nguyên nước: 22.000.000 đồng
- + Lệ phí khai thác khoáng sản: 95.000.000 đồng
- + Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản: 60.000.000 đồng
- + Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 15.660.000 đồng.
- + Phí thẩm định hồ sơ cấp GCNQSD đất: 44.400.000 đồng.

2.2. Nộp NSNN với số tiền là: 350.409.062 đồng.

2.3. Số tiền phí và lệ phí được trích để lại là: 1.137.433.021 đồng (Tài khoản tiền gửi 3712.2.1049271 tại kho bạc) (3).

3. Nguồn kinh phí điều chuyển từ Chi cục Quản lý đất đai và Chi cục Bảo vệ Môi trường sang Văn phòng Sở (tại Quyết định số 394/QĐ-STNMT, ngày 11/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường): 567.486.280 đồng. Trong đó:

3.1. Điều chỉnh từ dự toán tiền gửi : 564.965.650 đồng (4).

- Chi cục Bảo vệ môi trường: 557.165.650 đồng.
- Chi cục Quản lý đất đai: 7.800.000 đồng.

3.2. Tiền mặt: 2.520.630 đồng (5):

- Chi cục Bảo vệ môi trường: 120.630 đồng.
- Chi cục Quản lý đất đai: 2.400.000 đồng.

4. Tổng nguồn phí, lệ phí được sử dụng năm 2021: 1.905.360.403 đồng.

Trong đó:

- Tài khoản tiền gửi (3712.2.1049271) (1+3+4): 1.722.523.743 đồng.
- Tiền mặt tại đơn vị (2+5): 182.836.660 đồng.

5. Kinh phí đã sử dụng từ nguồn phí trích để lại: Tính đến ngày 28/12/2021, tổng số tiền đã sử dụng từ nguồn phí, lệ phí:

5.1 Thực chi: 875.644.116 đồng. Trong đó:

- Chi từ tài khoản tiền gửi: 845.844.099 đồng.

+ Thanh toán tiền lương và các khoản đóng góp theo lương: 522.345.579 đồng.

+ Chi CNTT nhân ngày 8/3 và 20/10: 10.500.000 đồng.

+ Thanh toán chế độ cho các thành viên Hội đồng thẩm định: 148.100.000 đồng.

+ Thanh toán chế độ rà soát, kiểm soát TTHC, thu phí lệ phí: 24.130.000 đồng.

+ Thanh toán tiền dịch vụ công cộng (điện, nước, điện thoại, internet, văn phòng phẩm,...) : 91.832.188 đồng.